

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Á và ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ba là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 574/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Như H, sinh năm 1987

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Phú V, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Kp 4, phường BS, thị xã HN, tỉnh BÐ.

(Chị H có mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Như H trình bày:

Chị và anh V tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường BS ngày 30/12/2014. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh V sống không chung thủy, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi cho nên vợ chồng thường hay cãi vã. Vì không chịu đựng được chị dẫn cả 02 con về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 12/2021 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không quan tâm gì cho nhau nữa. Nay chị thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm đã phai nhạt, chị yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Trần Bảo Ng, sinh ngày

25/6/2016 và cháu Đỗ Trần Gia Ph, sinh ngày 18/02/2020. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các con đều đủ 18 tuổi. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Phú V vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh V. Giao cả 02 con chung là cháu Đỗ Trần Bảo Ng, sinh ngày 25/6/2016 và cháu Đỗ Trần Gia Ph, sinh ngày 18/02/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị H phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí sơ thẩm về nuôi con anh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh V có địa chỉ tại Kp 4, phường BS, thị xã HN, tỉnh BÐ. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Chị H và anh V kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường BS ngày 30/12/2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, sống không chung thủy nên thường hay cãi vã lẫn nhau, rồi chị H dẫn cả 02 con chung về nhà cha mẹ vợ ở từ tháng 12/2021 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh V là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị H và anh V có 02 con chung là cháu Đỗ Trần Bảo Ng, sinh ngày 25/6/2016 và cháu Đỗ Trần Gia Ph, sinh ngày 18/02/2020. Sau ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con như từ bấy lâu nay và anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các con đều đủ 18 tuổi. Còn anh V thì trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản nào ghi ý kiến của mình cung cấp cho Tòa án đối với yêu cầu này của chị H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết giao cả 02 con chung là cháu Đỗ Trần Bảo Ng, sinh ngày 25/6/2016 và cháu Đỗ Trần Gia Ph, sinh ngày 18/02/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giải quyết buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Án phí hôn nhân và gia đình: Chị H phải chịu 300.000đ sung vào ngân sách nhà nước là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh V phải chịu 300.000đ sung vào ngân sách nhà nước là đúng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 84, 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Như H và anh Đỗ Phú V được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Đỗ Trần Bảo Ng, sinh ngày 25/6/2016 và cháu Đỗ Trần Gia Ph, sinh ngày 18/02/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Phú V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi.

Anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị Như H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước. Chị H đã nộp tạm ứng đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001631 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN được tính trừ.

+ Anh Đỗ Phú V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung vào ngân sách nhà nước.

- Về kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được nhận hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hn;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn V

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao để Toà án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.